

Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



C Kết hôn - Ly hôn

▣ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

2 Ly hôn

Người nước ngoài sống tại Nhật, khi ly hôn tại Nhật thì cũng phải nộp giấy đăng ký ly hôn. Hôn n ữa cũng phải nộp tại nước mình. Giống như hồi lúc kết hôn, việc đăng ký ngoại kiều còn có các loại đăng ký khác ([tham khảo ở mục “D Các loại đăng ký khác cùng với việc kết hôn và ly hôn”](#)) đã được pháp luật qui định. Xin hãy nhớ làm các thủ tục đó.

2-1 Đăng ký ly hôn

Việc đăng ký ly hôn là việc nộp giấy ly hôn cho tòa hành chính tại thành phố, phường xã nơi cư ngụ sau khi đã ly hôn. Có các loại ly hôn như thỏa thuận ly hôn có nghĩa là hai bên thỏa thuận ly hôn với nhau, hoà giải ly hôn, xét xử ly hôn, phán xử ly hôn. 3 loại ly hôn trừ hoà giải ly hôn có sự can thiệp của tòa án gia đình, nơi gi ải quyết những vấn đề trong gia đình.

(1) Trường hợp vợ hoặc chồng là người nước ngoài .

Nếu cả hai người đồng ý ly hôn thì được áp dụng với pháp luật Nhật. Tuy nhiên có hiệu lực đối với đất nước đối phương hay không thì tùy vào pháp luật của nước đó thì khác nhau. Hôn n ữa tùy nước mà phương pháp làm thủ tục khác nhau. Vì vậy, xin hãy xác nhận tại đại sứ quán và lãnh sự quán của nước mình tại Nhật. Nếu cần, hãy xin cấp giấy chứng nhận đã thụ lý ly hôn.

Trường hợp có con cái thì cần đăng ký để kê khai họ tên người nuôi dưỡng và người được nuôi dưỡng.

Giấy tờ cần thiết	Nơi hỏi, nộp	Thời hạn	Người nộp
1 Giấy ly hôn (lấy mẫu đơn có ở tòa hành chính thành phố, phường xã.) *Cần có chữ ký và con dấu của 2 người làm chứng đã trưởng thành 2 Bản sao hộ tịch (người Nhật) 3 Hộ chiếu 4 Giấy chứng nhận về các mục đã ghi trên bản đăng ký gốc (tham chiếu B đăng ký ngoại kiều 2). 5 Trường hợp hoà giải ly hôn thì cần có các bản sao của bản cáo trạng về việc hoà giải, giấy xét xử, giấy phán xử và giấy chứng nhận xác định do tòa án đã cấp	Tòa hành chính của thành phố, phường xã mà vợ hoặc chồng có địa chỉ và nguyên quán của người Nhật	<Trường hợp ly hôn hiệp nghị > thì lúc nào cũng nộp giấy tờ. <Trường hợp như ly hôn hoà giải > thì nộp trong vòng 10 ngày kể từ khi hoàn thành ly hôn điều đình của tòa án.	<Trường hợp thỏa thuận ly hôn> Cả hai vợ chồng <Trường hợp hoà giải ly hôn, xét xử ly hôn và phán xử ly hôn> Người đứng ra xin sự can thiệp

* Nếu cần, sau khi được thụ lý thì hãy xin cấp giấy chứng nhận đã thụ lý ly hôn.

●Khi không muốn ly hôn

Trường hợp bạn bị đối phương người Nhật thúc ép ly hôn, đối phương tự ý ký tên vào giấy ly hôn và nộp cho tòa hành chính thì việc ly hôn sẽ được hoàn thành .



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



C Kết hôn - Ly hôn

▣ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

Trường hợp bạn không có ý định ly hôn thì hãy nộp giấy kiến nghị không thụ lý ly hôn tại nguyên quán hay tòa hành chính nơi cư ngụ của đối phương (người Nhật). Do đó, kể từ ngày nộp có thể chặn đứng việc thụ lý giấy ly hôn trong vòng 6 tháng. Trường hợp vượt qua 6 tháng mà cũng chưa gì ải quyết được vấn đề, cần nộp lại các giấy tờ giống như trên (giấy kiến nghị không thụ lý ly hôn) .

● Thay đổi tư cách lưu trú

Khi người nước ngoài ly hôn với vợ (chồng) là người Nhật thì quan hệ “vợ/chồng của người Nhật” sẽ mất đi, thì không có nghĩa là phải ngay lập tức về nước mà phải làm thủ tục thay đổi tư cách lưu trú tại Sở quản lý nhập cảnh. Vì tư cách lưu trú không còn là tư cách “v ợ/chồng của người Nhật” nữa nên không thể gia hạn thời hạn lưu trú được. Trường hợp bạn muốn tiếp tục sống tại Nhật thì phải lấy một tư cách lưu trú khác (tham khảo ở “[A Tư cách lưu trú 2-8](#)”)

● Vợ chồng mà đã làm thủ tục kết hôn quốc tế tại hai nước.

Nếu bạn chỉ làm thủ tục ly hôn tại Nhật và quên làm thủ tục ly hôn tại nước mình, thì tại nước mình vẫn còn nằm trong tình trạng kết hôn, khi làm thủ tục tái hôn sẽ trở gặp rắc rối. Do đó nhất định phải làm cả thủ tục ly hôn tại nước mình.



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



C Kết hôn - Ly hôn

▶ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

Sample

鉛筆や消えやすいインキで書かないでください。
筆調者の氏名欄には、戸籍のはじめに記載されている人の氏名を書いてください。
届出は、1通でさしつかえありません。
この届書を本籍地でない役所に出すときは、戸籍謄本（全部事項証明書）が必要ですから、あらかじめ用意してください。
そのほかに必要なもの 調停離婚のとき → 調停調査の謄本
審判離婚のとき → 審判書の謄本と確定証明書
和解離婚のとき → 和解調査の謄本
認諾離婚のとき → 認諾調査の謄本
判決離婚のとき → 判決書の謄本と確定証明書

証 人		（協議離婚のときだけ必要です）	
署 名	印		印
生 年 月 日	年 月 日	年 月 日	年 月 日
住 所	番地 番 号	番地 番 号	番地 番 号
本 籍	番地 番 号	番地 番 号	番地 番 号

→ 父母がいま離婚しているときは、母の氏は書かないで、名だけを書いてください。
養父母についても同じように書いてください。
□には、あてはまるものに□のしるしをつけてください。

→ 今後も離婚の際に称していた氏を称する場合には、左の欄には何も記載しないでください。
（この場合にはこの離婚届と同時に別の届書を提出する必要があります。）

→ 同居を始めたときの年月は、結婚式をあげた年月または同居を始めた年月のうち早いほうを書いてください。

→ 届け出られた事項は、人口動態調査（統計法に基づく推定統計第5号、厚生労働省所管）にも用いられます。

- 署名は必ず本人が自署してください。
- 印は各自別々の印を押してください。
- 届出人の印をご持参ください。



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



C Kết hôn - Ly hôn

▣ [C Kết hôn - Ly hôn](#)

(2) Trường hợp cả vợ chồng là người nước ngoài.

Điều kiện cần thiết để hoàn thành việc ly hôn ở mỗi nước khác nhau. Xin hãy hỏi và xác nhận phương pháp làm thủ tục tại đại sứ quan và lãnh sự quán của nước mình.

